TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9 - 2024.
V/v: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.
2. Ông Võ Văn Nhân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 146/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984.

Số căn cước công dân: 051184007782

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1973.

Số căn cước công dân: 051072010486

Cùng địa chỉ: Xóm 4, thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Q.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 01/7/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng trái ngược nhau nên vợ chồng ít khi tìm được tiếng nói chung, bất

đồng quan điểm thường xuyên cãi vã khiến cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc từ đó vợ chồng tạo ra khoảng cách, không còn quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tấn Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 25/01/2002 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 15/10/2009, cháu Đ đã thành niên không yêu cầu giải quyết, còn cháu Nguyễn Thị Thu H khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo bản bản làm việc ngày 26/8/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Th kết hôn trên cơ sở nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2003, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2019 kinh tế gia đình khó khăn anh vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, khi về nhà thì mẫu thuẫn về kinh tế, vợ không có trách nhiệm, thường xuyên vắng nhà, không lo cho con ăn học. Đến năm 2020 vợ chồng sống ly thân, cô Th dẫn con Nguyễn Thị Thu H tự ý đi nơi khác sinh sống. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 25/01/2002 đã thành niên không yêu cầu giải quyết, đối với con Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 15/10/2009, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡn,g giáo dục con Nguyễn Thị Thu H, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các Điều 70; 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Tấn Đ.

Về con chung: Chị Th và anh Đ có 02 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 25/01/2002 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 15/10/2019; Nguyễn Tấn Đ đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 15/10/2019, cả nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con; cháu Hiền có nguyện vọng được ở với cha, anh Nguyễn Tấn Đ cũng có yêu cầu được nuôi con, đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Thu H cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp; anh Đ không yêu cầu chị Th cấp dưỡng cho con nên đề nghị chấp nhận.

Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện T, tỉnh Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt: Ngày 26/8/2024 chị Phạm Thị Th và anh Nguyễn Tấn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Nguyễn Tấn Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cải vã. Đến năm 2020 chị Th và anh Đồng không còn sống chung với nhau. Chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh Đ, anh Đ đồng ý.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng anh và chị không làm được. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã, hiện nay anh chị không còn sống chung, không quan tâm lẫn nhau. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th, anh Đ đều đồng ý ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Tấn Đ.

[3] Về con chung: Con chung Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 25/01/2002 đã thành niên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; đối với con chung Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 15/10/2009, ngày 20/8/2024 cháu Hiền có văn

bản trình bày nguyện vọng được ở với cha là anh Nguyễn Tấn Đ và anh Nguyễn Tấn Đ cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Thị Thu H cho anh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đ không yêu cầu chị Th cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 254, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Tấn Đ.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 15/10/2009, cho anh Nguyễn Tấn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị Th không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003921 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Q.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Q;
-VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT